**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ 1- SINH HỌC 7**

**NĂM HỌC: 2021-2022**

**A. HÌNH THỨC KIỂM TRA:**

**-** 100 % trắc nghiệm : 40 câu.

- Thời gian kiểm tra : 45 phút.

**B. LÝ THUYẾT:**

**-** Các em đọc kỹ sách giáo khoa sinh học 7 các bài sau: bài 4,5,6, 8, 9,10, 11,12,13,14,15,17, 18, 19, 21,22,24,25,26,27.

**CHỦ ĐỀ 2: NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH ( Bài 4,5,6)**

**I. TRÙNG ROI**

1. Dinh dưỡng

* Trùng roi vừa tự dưỡng vừa dị dưỡng
* Hô hấp qua màng cơ thể

1. Sinh sản

* Sinh sản bẳng hình thức phân đôi.
* Nhân phân chia trước, tiếp theo là chất nguyên sinh và các bào quan.

3. Tập đoàn trùng roi: SGK

**II. TRÙNG BIẾN HÌNH**

* Là động vật đơn bào có cấu tạo đơn giản (chất nguyên sinh và nhân).
* Di chuyển và bắt mồi bằng chân giả
* Sinh sản: phân đôi

**III. TRÙNG GIÀY**

1. Dinh dưỡng

* Thức ăn → miệng → hầu→ không bào tiêu hóa, enzim biến thức ăn thành chất dinh dưỡng.
* Chất thải thoát ra ngoài qua lỗ thoát.

1. Sinh sản

* Sinh sản vô tính : phân chia theo chiều ngang.
* Sinh sản hữu tính : tiếp hợp.

**IV. TRÙNG KIẾT LỊ**

* Ký sinh ở thành ruột, ăn hồng cầu và gây bệnh kiết lị.
* Trùng kiết lị xâm nhập vào cơ thể thông qua đường tiêu hóa ( qua ăn uống).

**V. TRÙNG SỐT RÉT**

1/ Dinh dưỡng: Ký sinh :Trong máu người và trong thành ruột và tuyến nước bọt của muỗi Anophen.

2/ Vòng đời: Khi muỗi Anophen chích người->trùng sốt rét xâm nhập hồng cầu-> sử dụng chất nguyên sinh của hồng cầu -> lớn lên và sinh sản -> nhiều trùng sốt rét mới-> phá vỡ hồng cầu thoát ra -> xâm nhập hồng cầu khác.

**CHỦ ĐỀ 3: NGÀNH RUỘT KHOANG ( Bài 8,9,10)**

**I. THỦY TỨC**

**1. Hình dạng ngoài và di chuyển**

- Cơ thể hình trụ, đối xứng tỏa tròn, sống bám trên cây thuỷ sinh.

- Di chuyển chậm : bơi, kiểu sâu đo và kiểu lộn đầu.

**2. Cấu tạo trong: SGK**

**3. Dinh dưỡng**

- Tua miệng bắt mồi đưa vào miệng → thức ăn được tiêu hóa trong ruột túi → chất bã qua miệng ra ngoài.

**4. Sinh sản**

- Sinh sản vô tính bằng cách nảy chồi.

- Sinh sản hữu tính : trứng + tinh trùng → hợp tử → thủy tức mới.

- Tái sinh.

**II. SỨA**

- Cơ thể hình dù, có tầng keo dày giúp sứa dễ nổi.

- Khoang tiêu hóa hẹp, thông với lỗ miệng hướng về phía dưới.

**III. HẢI QUỲ**

- Cơ thể hình trụ, có nhiều tua miệng xếp đối xứng

- Sống bám vào bờ đá.

**IV. SAN HÔ**

- Cơ thể hình trụ, sống bám.

- Tổ chức cơ thể kiểu tập đoàn, có khoang ruột thông nhau và khung xương đá vôi bất động.

**V. ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

- Cơ thể có đối xứng tỏa tròn

- Ruột dạng túi

- Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào, ở giữa là tầng keo.

- Có tế bào gai để tự vệ và tấn công.

**VI. VAI TRÒ CỦA NGÀNH RUỘT KHOANG**

**1. Có ích :**

- San hô : có vai trò lớn về mặt sinh thái ở vùng biển nhiệt đới, là nguyên liệu để trang trí, làm đồ trang sức, cung cấp vôi cho xây dựng, hóa thạch san hô là vật chỉ thị địa tầng.

- Sứa rô, sứa sen : làm thức ăn.

**2. Có hại :**

- Một số loài sứa gây ngứa và độc cho người.

- Đảo ngầm san hô gây cản trở giao thông đường biển.

**CHỦ ĐỀ 4: NGÀNH GIUN DẸP ( Bài 11,12)**

**I. SÁN LÁ GAN**

**1. Nơi sống, cấu tạo và di chuyển**

- Ký sinh ở gan và mật của trâu, bò.

- Cơ thể hình lá, dẹp, đối xứng 2 bên, dài 2-5cm, màu đỏ máu.

- Mắt và lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển.

- Cơ dọc, cơ vòng, cơ lưng bụng phát triển --> giúp dễ chui rúc, luồn lách.

**2. Dinh dưỡng**

- Hầu có cơ khỏe giúp miệng hút chất dinh dưỡng đưa vào 2 nhánh ruột.

- Hai nhánh ruột phân nhiều nhánh nhỏ để vừa tiêu hóa vừa dẫn chất dinh dưỡng nuôi cơ thể.

**3. Sinh sản**

- Sán lá gan lưỡng tính :có cơ quan sinh dục đực, cơ quan sinh dục cái và tuyến noãn hoàng.

- Vòng đời :

Sán lá gan Trứng Ấu trùng có lông bơi Ấu trùng có đuôi

(Ký sinh ở bò) (trong nước) (trong cơ thể ốc)

Kén sán

(dính trên cây thủy sinh)

* Vòng đời sán lá gan thay đổi vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng thích nghi với ký sinh.

**II. MỘT SỐ GIUN DẸP KHÁC**

**1. Sán lá máu** : ký sinh trong máu người, ấu trùng xâm nhập cơ thể người qua da khi tiếp xúc nước ô nhiễm.

**2. Sán bã trầu** : ký sinh ở ruột lợn. Vật chủ trung gian là ốc gạo, ốc mút.

**3. Sán dây** : ký sinh ở ruột non người và cơ bắp trâu bò. Người ăn phải thịt trâu, bò, lợn gạo sẽ mắc bệnh sán dây.

**4. Sán lông**: bơi lội tự do ở vùng ven biển, ẩn náu trong khe đá để tìm thức ăn.

**CHỦ ĐỀ 5: NGÀNH GIUN TRÒN ( Bài 13,14)**

**I. GIUN ĐŨA**

**1. Đời sống và cấu tạo ngoài**

- Ký sinh ở ruột non người.

- Cơ thể hình trụ, thuôn 2 đầu, có vỏ cuticun bọc ngoài.

**2. Cấu tạo trong và di chuyển:sgk**

**3. Dinh dưỡng:sgk**

**4. Sinh sản**

- Giun đũa phân tính, tuyến sinh dục có dạng ống phát triển.

- Thụ tinh trong, đẻ nhiều trứng.

\*Vòng đời :

+ Trứng theo phân ra ngoài, phát triển thành ấu trùng trong trứng.

+ Người ăn phải trứng giun, vào ruột non ấu trùng chui ra --> vào máu --> gan --> tim, phổi --> trở về ruột non để ký sinh.

**II. MỘT SỐ GIUN TRÒN KHÁC**

- Gồm giun kim (kí sinh ở ruột già của người):đêm, giun cái tìm đến hậu môn để đẻ trứng gây ngứa ngáy. Trứng giun qua tay và thức ăn truyền vào miệng.

- Giun móc câu (kí sinh ở tá tràng ) làm người bệnh xanh xao, vàng vọt, ấu trùng giun móc câu xâm nhập qua da bàn chân, khi người đi chân đất sẽ bị nhiễm bệnh.

- Giun rễ lúa...

- Biện pháp phòng chống bệnh giun : giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, ăn uống vệ sinh và tẩy giun định kỳ.

**CHỦ ĐỀ 6: NGÀNH GIUN ĐỐT ( Bài 15,17)**

**I. GIUN ĐẤT**

**1. Hình dạng ngoài**

- Cơ thể dài, thuôn hai đầu.

- Cơ thể phân đốt, mỗi đốt có vòng tơ (chi bên).

**2. Di chuyển**

- Cơ thể chun giãn kết hợp vòng tơ giúp giun đất di chuyển được.

**3. Dinh dưỡng**

- Giun đất hô hấp qua da.

- Cơ quan tiêu hóa phân hóa

**3. Sinh sản**

- Giun đất lưỡng tính.

- Sinh sản theo hình thức ghép đôi

- Trứng được thụ tinh phát triển trong kén để thành giun con.

**II. MỘT SỐ GIUN ĐỐT KHÁC**

- Giun đỏ : sống thành búi ở cống rãnh.

- Đỉa : có giác bám, ký sinh ngoài.

- Rươi : ở nước lợ, chi bên có tơ phát triển.

**CHỦ ĐỀ 7: NGÀNH THÂN MỀM ( Bài 18,19,21)**

**I. TRAI SÔNG**

**1. Hình dạng, cấu tạo.**

\* Vỏ trai.

- Gồm 2 mảnh, có dây chằng và 2 cơ khép vỏ.

- Vỏ có 3 lớp : lớp sừng, lớp đá vôi và lớp xà cừ.

\* Cơ thể.

- Dưới vỏ là áo trai, mặt trong áo tạo thành khoang áo có 2 đôi tấm miệng, 2 đôi tấm mang.

- Đầu tiêu giảm, chỉ còn thân và chân.

**2. Dinh dưỡng: sgk**

**3. Sinh sản**

- Trai sông phân tính.

- Trứng được thụ tinh → ấu trùng (ở mang trai sông mẹ) → ra ngoài nở thành trai sông con.

**II. MỘT SỐ THÂN MỀM KHÁC**

**1. Một số đại diện:**

- Mực, bạch tuộc, ốc sên, sò, ốc vặn…

**2. Một số tập tính**

- Mực: có tập tính săn mồi và phun hỏa mù.

- Ốc sên: có tập tình đào lỗ để đẻ trứng.

**III. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH THÂN MỀM**

**1. Đặc điểm chung:**

- Thân mềm, không phân đốt.

- Có vỏ đá vôi, có khoang áo.

- Hệ tiêu hóa phân hóa.

- Cơ quan di chuyển thường đơn giản.

- Riêng mực, bạch tuộc thích nghi với lối sống săn mồi và di chuyển tích cực nên vỏ tiêu giảm và cơ quan di chuyển phát triển.

**2. Vai trò:**

a. Ích lợi:

- Là thức ăn cho người và động vật , làm đồ trang sức, trang trí

- Làm sạch môi trường nước, là nguyên liệu xuất khẩu

- Có giá trị về mặt địa chất…

b. Có hại:

- Gây hại cho cây trồng, là vật chủ trung gian truyền bệnh giun sán.

**CHỦ ĐỀ 8: NGÀNH CHÂN KHỚP- LỚP GIÁP XÁC ( Bài 22,24)**

**I. TÔM SÔNG**

**1. Cấu tạo ngoài:**

- Có 2 phần:phần đầu ngực và phần bụng.

- Vỏ: Cấu tạo bằng chất kitin, ngấm thêm canxi nên vỏ cứng.

🡪 che chở, chỗ bám cho các hệ cơ phát triển.

**2. Dinh dưỡng:**

- Tôm kiếm ăn lúc chập tối, nhận biết thức ăn từ xa nhờ khứu giác trên 2 đôi râu rất nhạy.

- Thức ăn qua miệng và hầu, rồi tiêu hóa ở dạ dày.

**3. Sinh sản:**

- Tôm phân tính. Tôm mẹ có tập tính ôm trứng nhằm bảo vệ trứng , bảo vệ giống nòi.

- Ấu trùng lột xác nhiều lần mới trưởng thành.

**II. ĐA DẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA LỚP GIÁP XÁC.**

**1. Một số Giáp xác khác**

- Đa số Giáp xác ở nước, 1 số ít ở cạn hoặc ký sinh trên động vật.

- Gồm : tôm, cua, tôm ở nhờ, rận nước, mọt ẩm...

**2. Vai trò**

1. Có lợi : Là thức ăn của cá (rận nước, chân kiếm tự do), là thực phẩm của con người ( tôm, cua, ghẹ)

2. Có hại : - Ký sinh ở cá ( chân kiếm ký sinh)

- Làm hại tàu bè và giao thông đường thủy ( con sun).

**CHỦ ĐỀ 9: LỚP HÌNH NHỆN ( Bài 25)**

**NHỆN VÀ SỰ ĐA DẠNG CỦA LỚP HÌNH NHỆN**

**1. Đặc điểm cấu tạo**

- Cơ thể gồm 2 phần: đầu ngực và phần bụng.

**2. Tập tính**

- Hoạt động chủ yếu vào ban đêm.

- Chăng lưới : chăng khung --> chăng tơ phóng xạ --> chăng tơ vòng --> chờ mồi.

- Bắt mồi sống : ngoạm và tiêm chất độc vào mồi --> tiết dịch tiêu hóa vào mồi --> trói mồi treo vào lưới --> hút dịch lỏng trong cơ thể con mồi.

**3. Sự đa dạng của lớp Hình nhện**

- Một số đại diện : bọ cạp, cái ghẻ,ve bò,nhện nhà...

- Ý nghĩa thực tiễn :Một số ký sinh gây hại (cái ghẻ, ve bò), đa số có lợi vì ăn sâu bọ có hại ( nhện nhà).

**CHỦ ĐỀ 10: NGÀNH CHÂN KHỚP- LỚP SÂU BỌ ( Bài 26,27)**

**I. CHÂU CHẤU**

**1. Cấu tạo ngoài:** Cơ thể có 3 phần:

- Đầu : 1 đôi râu + 1 đôi mắt kép + cơ quan miệng.

- Ngực : 3 đôi chân, 2 đôi cánh.

- Bụng : có các lỗ thở.

- Khi sống, bụng của châu chấu luôn phập phồng để hô hấp, hít và thải không khí qua lỗ thở ở mặt bụng.

**2. Di chuyển :** bò, nhảy, bay.

**3. Dinh dưỡng** : châu chấu phàm ăn, gặm chồi và lá cây.

**4. Sinh sản và phát triển :**

- Phân tính, đẻ trứng trong đất.

- Trứng 🡪 châu chấu non 🡪 châu chấu trưởng thành (biến thái không hoàn toàn – là châu chấu non nở ra đã giống châu chấu trưởng thành nhưng nhỏ, chưa đủ cánh)

**II. ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP SÂU BỌ**

**1. Một số đại diện sâu bọ khác.**

- Sâu bọ đa dạng về số loài, cấu tạo và tập tính.

- Phân bố rộng trong nhiều môi trường.

- Đại diện : chuồn chuồn, ve sầu, ong, bọ ngựa, bướm,ruồi, muỗi, mọt gỗ...

**2.Vai trò:**

- Có ích : thụ phấn cho hoa, làm thực phẩm, làm thuốc, tiêu diệt sâu bọ, làm sạch môi trường...

- Có hại : truyền bệnh (ruồi, muỗi), phá hại cây trồng (châu chấu...)

**Lưu ý: TRÊN ĐÂY LÀ MỘT SỐ NỘI DUNG GỢI Ý ÔN TẬP, CÁC EM HS ĐỌC KỸ SGK ĐỂ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI TRONG SÁCH NHÉ. CHÚC CÁC EM ĐẠT KẾT QUẢ TỐT !!!**